

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ

Bà Trần Thị Hoài Yên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Lâm Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, thường hay cự

cải, nên bà đã bỏ đi làm, bà và ông Nguyễn Văn V đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng 20 năm. Mặc dù bà đi làm, nhưng vẫn thỉnh thoảng về thăm gia đình và thăm con, gửi tiền về cho chồng con. Do đã không còn tình cảm, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn V.

Về con chung : Bà và ông Nguyễn Văn V có ba người con chung là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992, Nguyễn Thúy A, sinh năm 1997 và Nguyễn Phấn Nh, sinh năm 1998, hiện nay các người con đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, bà Lâm Thị Th trình bày gồm 01 phần đất diện tích khoảng 22.000 m² tại ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 2.200.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn V đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, 01 căn nhà cất trên phần đất diện tích 73,01 m² trị giá khoảng 270.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi phần đất bà yêu cầu nhận giá trị là 1.100.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi căn nhà bà yêu cầu nhận giá trị là 135.000.000 đồng, tổng cộng bà yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất là 1.235.000.000 đồng. Bà Lâm Thị Th yêu cầu ông Nguyễn Văn V chia giá trị công sức đóng góp trong thời gian 10 năm chung sống là 140.000.000 đồng. Nay bà rút lại yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất là 1.100.000.000 đồng và công sức đóng góp là 140.000.000 đồng. Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà nay bà thay đổi yêu cầu, nay bà chỉ yêu cầu ông V trả lại cho bà tiền đóng góp để xây căn nhà là 67.000.000 đồng.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn V không có nợ chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2024 của Tòa án, ông Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Lâm Thị Th về thời gian ông và bà Lâm Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng và thời gian không còn chung sống như vợ chồng đúng như bà Th trình bày, tuy nhiên khi bà Th đi làm đến nay ít về nhà thăm ông và các con. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị Th.

Về con chung: Đúng như bà Lâm Thị Th trình bày, hiện ba người con đã trưởng thành tự lao động sinh sống, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông đồng ý trả cho bà Lâm Thị Th 67.000.000 đồng là tiền bà Th đóng góp trong thời gian chung sống với ông để xây cất căn nhà.

Về nợ chung: Ông và bà Th không có nợ chung.

QuA điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng. Về con chung, các con chung đều đã thành niên tự lao động sinh sống không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V là ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Th 67.000.000 đồng, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị Th khởi kiện ông Nguyễn Văn V yêu cầu ly hôn và chia tài sản trong thời gian chung sống nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, qua hệ trAh chấp về “xin ly hôn”, bị đơn ông Nguyễn Văn V cư trú tại ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V có yêu cầu xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Lâm Thị Th có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ diện tích phần đất nông nghiệp diện tích 22.000 m² tại ấp Tân Thành, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất là 1.100.000.000 đồng; Bà Lâm Thị Th rút lại yêu cầu chia công sức đóng góp là 140.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của bà Lâm Thị Th là có căn cứ.

[4] Đối với việc bà Lâm Thị Th thay đổi yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 135.000.000 đồng nay chỉ yêu cầu nhận lại 67.000.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về quan hệ hôn nhân, bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không

công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V là có căn cứ theo quy định tại Điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung, bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V xác định có ba người con chung là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992, Nguyễn Thúy A, sinh năm 1997 và Nguyễn Phấn Nh, sinh năm 1998, hiện nay các người con đã thành niên, tự lao động sinh sống, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà Lâm Thị Th có đóng góp số tiền 67.000.000 đồng để xây cất căn nhà, hiện căn nhà do ông Nguyễn Văn V đAg quản lý, sử dụng. Nay bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V thống nhất ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Th số tiền 67.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm pháp luật nên có căn cứ ghi nhận.

[8] Bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Lâm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14 và 16 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

2.1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ phần đất diện tích 22.000 m² tại ấp Tân Thành, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Lâm Thị Th yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 1.100.000.000 đồng; Đình chỉ yêu cầu chia công sức đóng góp là 140.000.000 đồng của bà Lâm Thị Th.

2.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lâm Thị Th và ông Nguyễn Văn V là ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Th số tiền 67.000.000 (sáu mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Th phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lâm Thị Th phải chịu 1.675.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 24.825.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0019285 ngày 02 tháng 11 năm 2023, và số tiền tạm ứng án phí là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003222 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy đối trừ và chuyển thu, bà Lâm Thị Th được nhận lại 26.350.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn